

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 242/2025/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 về “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **PHÙNG QUANG THẮNG**, sinh ngày 17-3-1990;

Căn cước công dân số: 077090003183 do Cục C cấp ngày 18-10-2022;

Địa chỉ thường trú: 4 V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(cũ);

Địa chỉ hiện nay: 65 V, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(Nay là: 65 Võ Chí công, phường R, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà **PHAN THỊ KIỀU N**, sinh ngày 22-8-1992;

Căn cước công dân số: 046192014498 do Cục C cấp ngày 14-02-2022;

Hộ chiếu số: E01747512 do Cục Qcấp ngày 26/4/2024, hết hạn ngày 26/4/2034;

Địa chỉ thường trú: T, thành phố H

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ số B, khu nhà ở 05 tầng, số B, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Căn hộ số 223, nhà A10, khu nhà ở 05 tầng, số B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh;

Hiện đang sinh sống và làm việc ở: Số A, đường M, thành phố H bưu điện F Liên bang Đ(vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Giấy chứng nhận kết hôn của ông T1 và bà N: số 164/2022 đăng ký ngày 24-11-2022 tại UBND phường T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ).

Người đại diện hợp pháp của bà N: Bà **PHAN THÔNG VÂN**, sinh năm 1986 (là chị gái ruột bà N)

Địa chỉ: B Khu E tầng, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là: 201-A12 Khu 05 tầng, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N trình bày:

Ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N1 thời gian tìm hiểu, có tình cảm nên cả hai quyết định tiến tới hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo số 164/2022 ngày 24-11-2022 tại UBND phường T4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hai bên có quá nhiều khác biệt. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2024, từ đó đến nay không ai còn quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn nên ông T1 yêu cầu T giải quyết được ly hôn với bà N và N2 toàn đồng ý và xác nhận nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như ông T1 đã nêu.

- Về con chung: Ông T1 và bà N3 có con chung.

- Về tài sản chung: Ông T1 và bà N4 xác định, trong quá trình chung sống, ông T1 có dùng 500.000.000 đồng là tài sản riêng của ông T1 có trước hôn nhân để nhận chuyển nhượng diện tích đất 125m² đất ở nông thôn, thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận số CR 420079 do UBND tỉnh B cấp ngày 15/4/2019, cập nhật biến động ngày 06/06/2024 chuyển nhượng cho ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N

Đối với tài sản này, ông T1 và bà N4 xác định đây là tài sản riêng của ông T1 nên trong thủ tục ly hôn, cả hai đều đề nghị Tòa án ghi nhận và xác định đây là tài sản riêng của ông T1 sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên một mình ông.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Vì lý do, hiện nay bà Phan Thị Kiều N đang lao động tại nước Cộng hòa Liên bang Đ và N thực hiện các thủ tục, thể hiện ý kiến của mình liên quan đến vụ án ly hôn, đến các ý kiến yêu cầu của ông T2 thời các thủ tục, tài liệu mà bà N5 đến Tòa án tất cả đã được hợp pháp hóa lãnh sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định, ông T1 và bà N6 sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 164/2022 ngày 24-11-2022. Ông T yêu cầu ly hôn, bà N7 đang lao động tại nước Cộng hòa Liên bang Đ nhưng bà N8 trình bày ý kiến về toàn bộ những nội dung liên

quan đến vụ án ly hôn mà ông T1 là nguyên đơn, đồng thời bà N8 làm các thủ tục, văn bản theo qui định, đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu của ông T, bà N4 đồng ý, không có ý kiến phản đối, không yêu cầu giải quyết vấn đề nào riêng.

Xét mâu thuẫn hôn nhân của ông T1 và bà N9 có thật, ông bà đã ly thân hơn 01 năm nay, thực tế không còn ở cùng nhau. Nên đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T3 thể; Về hôn nhân: chấp nhận cho ly hôn; Con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Tài sản: Đề nghị ghi nhận thỏa thuận của ông T1 và bà N về việc xác định: “Diện tích đất 125m² đất ở nông thôn, thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận số CR 420079 do UBND tỉnh B cấp ngày 15/4/2019, cập nhật biến động ngày 06/06/2024 chuyển nhượng cho ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N9 tài sản riêng của ông Phùng Quang T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Phùng Quang T yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Kiều N có địa chỉ cư trú tại thành phố V (cũ), nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo qui định, đánh giá các tài liệu do các bên cung cấp, đặc biệt là tài liệu của bà N10 nộp, đều đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N1 thời gian tìm hiểu, có tình cảm nên cả hai quyết định tiến tới hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo số 164/2022 ngày 24-11-2022 tại UBND phường T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(cũ) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa ông T1 và bà N: Ông T1 và bà N4 xác định, hôn nhân của ông bà xảy ra mâu thuẫn chỉ một thời gian ngắn sau kết hôn do cả hai quá khác biệt, Vợ chồng chính thức ly thân đã hơn một năm nay. Bà N11 phân cũng vì mâu thuẫn vợ chồng mà đã chọn đi làm ăn xa (tại nước Cộng hòa Liên bang Đxuất cảnh ngày 08/10/2024). Hai bên đã không còn chung sống, không còn quan tâm chia sẻ cùng nhau do không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình tố tụng, Tòa án tiếp nhận các tài liệu do bà N12 cấp, theo đó, bà N13 nhận mâu thuẫn gia đình, đồng ý ly hôn. Bà N14 lao động tại nước Cộng hòa Liên bang Đ các tài liệu của bà cung cấp cho Tòa án đã được hợp pháp hóa lãnh sự.

Nhận thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa ông T1 bà N là có thật, theo chiều hướng ngày càng trầm trọng. Dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Ông T1 yêu cầu ly hôn, bà N2 toàn đồng ý, khả năng hàn gắn không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 đối với bà N. Ông Phùng Q T1 ly hôn với bà Phan Thị Kiều N

[2.2] Về con chung: Ông T1 bà N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Nợ chung: Ông T1 bà N xác nhận không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản: Ông T1 bà N xác nhận không có tài sản chung. Cả hai xác nhận và đề nghị Tòa án ghi nhận và xác định: Diện tích đất 125m² đất ở nông thôn, thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận số CR 420079 do UBND tỉnh B cấp ngày 15/4/2019, cập nhật biến động ngày 06/06/2024 chuyển nhượng cho ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N9 tài sản riêng của ông Phùng Quang T. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên một mình ông. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông T1 bà N, không trái đạo đức, không trái qui định của pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về án phí, chi phí thẩm định:

- Ông T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản.

- Riêng tiền tạm ứng án phí về giải quyết tài sản, do các bên không tranh chấp mà đề nghị Tòa án ghi nhận nên ông T1 bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Quang T.

1. Về hôn nhân: ông Phùng Q T1 ly hôn với bà Phan Thị Kiều N.
2. Về con chung: Ông T1 bà N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Nợ chung: Ông T1 bà N xác nhận không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản: Xét sự xác nhận và thỏa thuận về tài sản của ông T1 và bà N là tự nguyện, không trái đạo đức, không trái qui định của pháp luật nên ghi nhận và xác định: Diện tích đất 125m² đất ở nông thôn, thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận số CR 420079 do UBND

tỉnh Bắc ngày 15/4/2019, cập nhật biên động ngày 06/06/2024 chuyển nhượng cho ông Phùng Quang T và bà Phan Thị Kiều N9 tài sản riêng của ông Phùng Quang T Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên một mình ông Phùng Quang T.

5. Về án phí, chi phí thẩm định:

- Ông Phùng Quang T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản. Án phí và chi phí thẩm định tài sản nêu trên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002890 ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh) và phiếu lập chi phí thẩm định ngày 21/7/2025 (ông T1 đã nộp đủ). Như vậy, ông T1 đã thi hành xong án phí, chi phí thẩm định tài sản.

Riêng tiền tạm ứng án phí về giải quyết tài sản: Do các bên không tranh chấp mà đề nghị Tòa án ghi nhận, không phải chịu án phí nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai số 0002891 ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh) cho ông Phùng Quang T.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) tính từ ngày tuyên án. Những người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV11;
- TAND TP.HCM;
- Phòng THA KV11;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi ĐKKH;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

